

Số: 342/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng ven biển
ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020
và tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

Căn cứ Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của Chủ tịch

UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí Lập quy hoạch, kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng ven biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1144/TTr-SNNPTNT ngày 21/4/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng ven biển hiện có nhằm phát huy chức năng phòng hộ ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ cơ sở hạ tầng, hệ thống đê biển, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ môi trường, góp phần phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế, tổ chức xã hội, trong đó quan tâm đến lợi ích chính đáng của người dân sống gần rừng vào các hoạt động lâm nghiệp nhằm đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người dân nông thôn miền núi và góp phần giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể:

Bảo vệ diện tích rừng ven biển hiện có và diện tích rừng phát triển mới bình quân mỗi năm 2.430 ha. Phát triển rừng Khoanh nuôi tái sinh rừng 6,63ha, trồng mới 449,9 ha rừng tập trung, 701.000 cây phân tán đến năm 2020 nâng độ che phủ rừng các xã ven biển từ 27,7% lên 28,2%.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Quản lý bảo vệ rừng

- Quản lý bảo vệ toàn bộ diện tích đất có rừng, bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng ven biển:

- Tổng diện tích Quản lý bảo vệ rừng 12.135 lượt ha.

b) Phát triển rừng

- Khoanh nuôi tái sinh rừng: 6,63ha.

- Trồng rừng tập trung: Trồng mới 449,9 ha.

+ Trồng rừng trên đất cát ven biển: 57,88 ha

+ Trồng rừng ngập mặn, ngập ngọt chắn sóng: 206 ha.

+ Trồng rừng trên núi đất, núi đá ven biển: 186,02 ha.

- Trồng cây phân tán các xã ven biển: 701 ngàn cây.

3. Các chỉ tiêu chính bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi 5 năm (2016-2020)

Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng KH	Kế hoạch 2016 - 2020				
			2016	2017	2018	2019	2020
1. Bảo vệ rừng	lượt/ha	12.135,0	2.340,2	2.366,0	2.403,0	2.440,0	2.585,8
2. Phát triển rừng	ha	1.157,8	157,1	334,8	258,0	260,5	147,4
- Khoanh nuôi	ha	6,6	2,1	4,5	0,0	0,0	0,0
+ Có trồng bổ sung	ha	2,1	2,1	0,0	0,0	0,0	0,0
+ Không trồng bổ sung	ha	4,5	0,0	4,5	0,0	0,0	0,0
- Trồng rừng	ha	1.151,1	155,0	330,3	258,0	260,5	147,4
* Trồng tập trung	ha	449,9	14,7	190,0	117,8	120,2	72
+ Trồng mới	ha	449,9	14,7	190,0	117,8	120,2	72
Phòng hộ chống cát	ha	57,9	0,0	10,7	30,6	9,4	72
Phòng hộ chắn sóng	ha	206,0	8,3	136,9	22,6	38,2	0,0
Trồng rừng núi đất, núi đá	ha	186,0	6,4	42,4	64,5	72,7	0,0
* Trồng cây phân tán	ha	701,2	140,2	140,2	140,2	140,2	140,2
3. Hoạt động khác							
- XD vườn ươm	vườn	1,0	-	-	1	-	
- XD đường lâm nghiệp	km	4,5	-	3	1	0	
- Sửa chữa đường LN	km	2,0	0,0	2,0			
- XD đường ranh cản lừa	km	8,3	0,3	4,7	1,6	1,7	0
- Xây dựng chòi canh	chòi	8	0	1	3	2	2
- Bảng qui ước BVR	bảng	27	2	11	10	3	1
- Bảng dự báo cấp cháy rừng	bảng	27	2	11	8	5	1
- Máy thổi gió	máy	27	0	6	11	7	3
- Bộ loa tuyên truyền	bộ	5	0	0	4	1	0
- Bơm cao áp PCCCR	bơm	27	0	9	8	9	1

4. Khái toán vốn

a) Khái toán vốn đầu tư Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020

ĐVT: triệu đồng

Chi tiêu	Kế hoạch 2016 - 2020					
	Σ giai đoạn	2016	2017	2018	2019	2020
TỔNG VỐN ĐẦU TƯ	124.392	7.699	57.708	25.215	27.752	6.017
- Vốn Ngân sách Nhà nước	108.067	4.950	53.399	22.386	24.361	2.972
- Vốn vay tín dụng	483	0	483	0	0	0
- Vốn tự đầu tư	15.841	2.749	3.827	2.829	3.392	3.045
1. Quản lý bảo vệ	18.203	3.510	3.549	3.605	3.660	3.879
- Vốn Ngân sách Nhà nước	3.922	761	770	776	782	834
- Vốn tự đầu tư	14.280	2.749	2.779	2.829	2.878	3.045
2. Phát triển rừng	93.966	4.138	49.828	17.458	21.125	1.417
- Vốn Ngân sách Nhà nước	91.922	4.138	48.297	17.458	20.611	1.417
- Vốn vay tín dụng	483	0	483	0	0	0
- Vốn tự đầu tư	1.561	0	1.047	0	514	0
3. Xây dựng cơ sở hạ tầng	12.224	51	4.332	4.152	2.967	721
- Vốn Ngân sách Nhà nước	12.224	51	4.332	4.152	2.967	721

b) Tổng vốn đầu tư: 124.392 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách: 108.067 triệu đồng, chiếm 86,9 % trong cơ cấu vốn.

Vốn ngân sách nhà nước: Bao gồm ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương theo Nghị định 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ, được đầu tư cho công tác phát triển rừng ven biển, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp, hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng.

- Vốn vay tín dụng: 483 triệu đồng, chiếm 0,4 % trong cơ cấu vốn.

Vốn vay tín dụng: Chủ yếu là diện tích rừng trồng sản xuất ven biển các hộ dân vay để trồng rừng sau khi đã được hỗ trợ kinh phí của nhà nước.

- Vốn tự đầu tư: 12.224 triệu đồng, chiếm 12,7 % trong cơ cấu vốn.

Vốn tự đầu tư: là nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, đã được giao đất, giao rừng tự quản lý bảo vệ, đầu tư trồng rừng sản xuất kết hợp phòng hộ.

5. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về tổ chức và quản lý sản xuất

- Thực hiện tốt phân cấp quản lý rừng theo quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

+ Cấp tỉnh: Nâng cao năng lực của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị trực thuộc) để tham

mưu cho UBND tỉnh về quản lý bảo vệ và phát triển rừng ven biển.

+ Cấp huyện: Rà soát, kiện toàn cán bộ có chuyên môn lâm nghiệp thực hiện chuyên trách về quản lý lâm nghiệp.

+ Cấp xã: Những xã có diện tích đất lâm nghiệp lớn cần kiện toàn Ban lâm nghiệp xã giúp cho UBND xã thực hiện các chức năng về quản lý Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng.

- Rà soát lại công tác tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển rừng ven biển, phân công rõ trách nhiệm; tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp, trong đó tập trung vào một số nội dung: Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển; quản lý chất lượng cây giống lâm nghiệp của các cơ sở sản xuất kinh doanh; làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật, giáo dục pháp luật; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng ven biển.

- Diện tích rừng phòng hộ trên huyện Đảo Lý Sơn giao cho Ban Chỉ huy quân sự huyện quản lý.

b) Giải pháp về khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo và khuyến lâm

b1) Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Rừng chắn gió, chắn cát:

+ Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về giống cây trồng đã được công nhận, cần tiếp tục thử nghiệm, mở rộng trên các điều kiện lập địa khác nhau, như đai rừng phòng hộ ven biển trồng Phi lao, Phi lao Trung Quốc 601,701, các loài Keo lá tràm, Keo lá liềm, Keo tai tượng và một số loài cây bản địa khác.

+ Nghiên cứu các kỹ thuật lâm sinh và hoàn thiện quy trình trồng rừng trên các dạng lập địa khác nhau như: Cồn cát, cát nội đồng, cát ven biển, đất đồi ven biển...

+ Vận dụng các kết quả xây dựng mô hình đã có: Mô hình phòng hộ ven biển của Dự án PASCA trên địa bàn huyện Đức Phổ, mô hình trồng rừng phòng hộ kết hợp sản xuất, mô hình rừng phòng hộ kết hợp với du lịch, mô hình trang trại nông - lâm - ngư nghiệp,... để áp dụng vào các điều kiện cụ thể của địa phương có hiệu quả.

- Đối với rừng chắn sóng lấn biển:

Trên cơ sở các mô hình trồng rừng ngập mặn đã có ở Bình Thuận, Bình Phước, huyện Bình Sơn, cần xây dựng và hoàn thiện các hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng ngập mặn trên các dạng lập địa khác nhau như:

+ Trồng rừng ngập mặn trên các dải bãi bồi, đầm lầy;

+ Trồng rừng ngập mặn trong các khoảng trống hoặc trồng dặm bổ sung;

+ Trồng rừng ngập mặn trên các dạng lập địa khó khăn (ngập triều sâu, ngập triều cao);

+ Trồng rừng trên các vùng đặc biệt khó khăn (xói lở bờ biển, sóng lớn,..).

- Tăng cường đầu tư nghiên cứu khoa học về bảo vệ và phát triển rừng ven

biên ứng phó với biến đổi khí hậu theo các nội dung chủ yếu:

+ Biện pháp kỹ thuật trồng rừng, chọn loài cây trồng trên các điều kiện lập địa khó khăn, đặc biệt ở những nơi bờ biển bị xói lở và cát di động.

+ Nghiên cứu các loài cây trồng bản địa cho rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát, nhằm đưa ra được tập đoàn cây trồng bản địa phù hợp có khả năng chịu hạn, chống chịu được bão lớn trên địa bàn tỉnh.

+ Phương thức canh tác lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp dưới tán rừng để hỗ trợ kinh tế của các hộ gia đình, cộng đồng dân cư vùng ven biển trong điều kiện biến đổi khí hậu.

+ Xây dựng các mô hình thực nghiệm để tuyển chọn các giống cây trồng rừng thích nghi trên các dạng lập địa theo từng mục đích gây trồng, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong tạo giống như giâm hom, nuôi cấy mô và kinh nghiệm sản xuất cây giống bản địa trong nhân dân để sản xuất giống có chất lượng cao.

+ Quy hoạch lại mạng lưới cung ứng giống trên địa bàn đáp ứng yêu cầu của kế hoạch phát triển rừng trong từng giai đoạn đồng thời thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý giống lâm nghiệp. Xây dựng nguồn giống để cung cấp đủ cây con có chất lượng cho trồng rừng ven biển theo Quy hoạch.

+ Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý, công nghệ thông tin trong quản lý, dự báo, đánh giá, theo dõi diễn biến rừng ven biển và thiên tai, quản lý và dự báo cháy rừng, phòng chống sâu bệnh hại trên phạm vi rừng ven biển.

b2) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao năng lực

Các sở, ngành và địa phương theo chức năng nhiệm vụ tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp trong xã hội về vai trò, chức năng của rừng ven biển cũng như trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Các nội dung tuyên truyền, giáo dục chủ yếu gồm:

- Nguy cơ thảm họa của biến đổi khí hậu, thiên tai và nước biển dâng đối với đời sống người dân vùng ven biển, vai trò, tác dụng phòng hộ của rừng ứng phó đối với biến đổi khí hậu, thiên tai và nước biển dâng;

- Các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Các chính sách của nhà nước liên quan đến quản lý; bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Vai trò, chức năng của rừng ven biển đối với các hệ sinh thái tự nhiên và sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp ở vùng ven biển.

- Trách nhiệm và lợi ích được hưởng từ rừng hệ sinh thái vùng ven biển

- Tăng cường công tác khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến nông. Xây dựng hệ thống khuyến lâm cấp huyện để tổ chức các lớp bồi dưỡng, phổ biến kiến thức, kỹ năng lâm nghiệp cho người dân, cán bộ lâm nghiệp xã, chủ trang trại. Có chế độ đãi ngộ về việc bố trí cán bộ lâm nghiệp về công tác tại các địa bàn vùng sâu

vùng xa.

c) Giải pháp về vận dụng hệ thống chính sách

c1) Chính sách đất đai

- Rà soát có giải pháp thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân sử dụng diện tích thuộc hành lang an toàn bảo vệ đê biển hoặc diện tích đất đã giao thuộc quy hoạch phát triển lâm nghiệp nhưng sử dụng không đúng mục đích để trồng lại rừng.

- Tiếp tục thực hiện công tác giao đất, giao rừng còn phát sinh gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khoán bảo vệ rừng cho tổ chức, tập thể, cộng đồng, hộ gia đình sử dụng cho mục đích lâm nghiệp lâu dài ổn định để bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quy hoạch và phát triển rừng ven biển gắn với quy hoạch sử dụng đất đai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 bảo đảm ổn định lâu dài, xác định rõ trên bản đồ và ngoài thực địa; quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất rừng ven biển sang mục đích khác.

- Khuyến khích các hình thức liên kết với hộ dân để phát triển rừng ven biển kết hợp với nuôi trồng thủy sản, nông lâm kết hợp, du lịch sinh thái.

c2) Chính sách quản lý rừng

- Phổ biến rộng rãi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Nghị định 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Nghị định 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về quản lý bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phân định rõ ràng phạm vi ranh giới quản lý của các chủ rừng trên thực địa bằng việc xây dựng hệ thống mốc quản lý. Xác lập cụ thể quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ rừng.

c3) Chính sách đầu tư

Nguồn ngân sách nhà nước cho bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ theo Đề án bảo vệ và phát triển rừng ứng phó với biến đổi khí hậu của Chính phủ, Chương trình chống biến đổi khí hậu và sa mạc hóa, Nghị định 119/2016 NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về chính sách quản lý bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

* Ngân sách Trung ương:

- Đảm bảo cho khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng ven biển.

+ Mức hỗ trợ kinh phí khoán bảo vệ rừng ven biển: 450.000 đồng/ha/năm

+ Mức hỗ trợ kinh phí khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 4 triệu đồng/ha trong thời gian 5 năm (bình quân 800.000 đồng/ha/năm).

+ Kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng 50.000 đồng/ha, chỉ thực hiện năm đầu tiên đối với diện tích mới khoán lần đầu.

- Ngân sách Trung ương đầu tư phát triển rừng ven biển theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

+ Trồng mới, cải tạo rừng theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán

được duyệt với thời gian trồng và chăm sóc 5 năm;

+ Khoanh nuôi tái sinh kết hợp trồng bổ sung theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán được duyệt với rừng phòng hộ ven biển;

+ Xây dựng các công trình, mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng ven biển;

+ Công tác quản lý, kiểm tra, nghiệm thu các dự án bảo vệ và phát triển rừng ven biển;

* Ngân sách tỉnh: Bảo đảm kinh phí cho quản lý bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu theo kế hoạch, dự toán được duyệt và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước gồm:

- Thống kê rừng, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng. Tổ chức giao rừng, cho thuê rừng ven biển.

- Hoạt động của bộ máy Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển.

- Tuyên truyền giáo dục khuyến lâm; nâng cao năng lực, nhận thức, vai trò chức năng của rừng ven biển trong ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong bảo vệ và phát triển rừng ven biển;

* Kêu gọi đầu tư vào bảo vệ và phát triển rừng ven biển của các tổ chức quốc tế, các thành phần kinh tế. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào lâm nghiệp của các dự án tài trợ quốc tế.

c4) Chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế được giao, thuê hoặc nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp ven biển để quản lý, kinh doanh theo qui định của pháp luật. Ưu tiên cho hộ dân tại chỗ, các tổ chức đơn vị tại địa phương.

- Các thành phần doanh nghiệp nhà nước, hộ gia đình, lực lượng vũ trang, trường học, đoàn thể tham gia quản lý bảo vệ, kinh doanh rừng được hỗ trợ về mặt pháp lý, khuyến lâm, đào tạo, vay vốn tín dụng... theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Được hưởng toàn bộ sản phẩm do tổ chức, cá nhân tự đầu tư, được miễn tiền thuê rừng theo quy định, được bồi thường thành quả lao động, kết quả đầu tư theo quy định khi Nhà nước có quyết định thu hồi rừng.

d) Giải pháp về vốn

- Vốn Ngân sách nhà nước thông qua các Chương trình, dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt: Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; Chương trình hỗ trợ và ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC), Quỹ khí hậu xanh và các chương trình, dự án khác theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Vốn tài trợ, vốn vay quốc tế, vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Vốn tự đầu tư: Là nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác như, hộ gia đình, tổ chức khác tham gia bảo vệ rừng, sử dụng rừng ven biển ngoài mức hỗ trợ của Nhà nước.

6. Danh mục các Chương trình, Dự án ưu tiên

- Dự án đầu tư, hỗ trợ bảo vệ rừng và phát triển rừng phòng hộ các xã ven biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016- 2020.

- Dự án đầu tư Trồng mới rừng phòng hộ ven biển và cảnh quan môi trường tại huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2021.

- Dự án trồng rừng ngập mặn ven biển các huyện Đức Phổ, Tư Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2021.

Các dự án tiếp tục thực hiện:

- Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ môi trường cảnh quan Dung Quất giai đoạn 2011-2020.

- Dự án trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Dự án trồng rừng ngập mặn ven biển các xã: Bình Phước, Bình Đông và Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía đông thành phố Quảng Ngãi (hạng mục cây chắn sóng).

- Dự án trồng rừng phòng hộ cảnh quan môi trường huyện Lý Sơn (điều chỉnh bổ sung).

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi tổ chức công bố và thực hiện Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak431.



Trần Ngọc Căng